

PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC TRONG GIA ĐÌNH TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI TÀY MƯỜNG⁽¹⁾ Ở NGHỆ AN

LÊ HẢI ĐĂNG*

Người Tày Mường có ý thức giáo dục con cái ngay từ nhỏ, trẻ mới lọt lòng đã được các bà, các mẹ và các chị hát ru bằng những lời nựng ngọt ngào, âu yếm. Các câu hát ru đó vừa thể hiện tình thương yêu của bố mẹ với con cái như trời biển, nhưng cũng có nhiều câu mang hàm nghĩa giáo dục về tình yêu quê hương đất nước và về đạo lý làm người... Cách giáo dục con cái của người Tày Mường khá phong phú, được biểu đạt bằng nhiều hình thức như lời giáo huấn hàng ngày, qua các câu chuyện, ca dao, tục ngữ... như “Dạy con từ lúc còn nhỏ, dạy người hầu từ lúc mới đến nhà” (*Boọc lục tè chơ nhăng nooi, ep hoại ep chơ xa há ma*). Hay “Dao không mài không sắc, người không dạy không hiểu” (*Mit bọ lắ bọ cón, cón bọ boọc bọ xon bọ hụ*). Có những câu thành ngữ thể hiện mong ước của bậc sinh thành như “Nấu rượu muốn rượu ngon, nuôi con mong con khôn lớn” (*Lưỡng lục dạc hơ lắ, đắc lậu dạc hơ chep*), hoặc thể hiện sự chăm sóc hết lòng vì con cái “Nuôi con không biết thán, nuôi tầm quên cả ngày” (*Liếng lục bọ hụ nhon, liếng mọn bọ hụ lư*)...

1. Giáo dục đạo đức, lối sống và ứng xử

Cũng như các tộc người khác, người Tày Mường luôn giáo dục con cái phải biết công ơn của bậc sinh thành và có công dưỡng dục. Để nuôi con khôn lớn bậc sinh thành đã trải qua bao nhiêu nhọc nhằn, khổ cực từ việc chăm lo từng miếng ăn, đến manh áo; hàng đêm thức giấc để đắp lại chăn giữ ấm cho con khi mùa đông giá rét. Những lúc ốm đau thì lo lắng, chạy đôn chạy đáo tìm thầy tìm thuốc mong cho con mau chóng khỏi bệnh. Công lao của cha mẹ thật khó kể hết thành lời, điều đó được người Tày Mường thể hiện qua câu nói “*Cồng pò liếng lư pú nhạc na, cồng mè liếng lư phạ lắp đin*”, có nghĩa là: Công cha nuôi lớn hơn ngọn núi, công mẹ dưỡng con lớn hơn cả trời đất.

Người Việt có câu “trẻ cậy cha, già cậy con” để nói về quan hệ nhân quả, thì người Tày Mường cũng có cùng suy nghĩ như vậy, họ nói “*òn nhớ thầu mùa sinh mùa đê, kè nhớ òn mùa lộm, mùa tai*”, nghĩa là: Trẻ nhờ già lúc sinh nở, già cậy trẻ lúc ốm, lúc lâm chung. Khi còn nhỏ thì

* Lê Hải Đăng, Viện Dân tộc học

cha mẹ là người chăm sóc, lo lắng cho cuộc sống của con cái. Về già, không còn sức lực lao động kiếm sống nữa thì phải cậy nhờ đến con cháu. Chăm sóc cha mẹ lúc về già, lúc đau ốm bệnh tật là trách nhiệm của con cháu, nếu ai đó không ý thức được việc đó thì đã chà đạp lên đạo làm con, đạo làm người mà cộng đồng đã dày công xây đắp từ lâu đời. Quả vậy, ở người Tày Mường khi cha mẹ ốm đau con cái vừa lo chạy chữa thuốc thang vừa mời thầy mo về làm lễ bốc vía để cha mẹ nhanh khỏe. Nếu điều không may xảy ra khi cha mẹ từ già cõi đời, con cháu dù nghèo khó đến đâu cũng cố gắng làm đám tang chu đáo để tiễn đưa linh hồn về với thế giới tổ tiên (*đăm*) của dòng họ, ở đó linh hồn cha mẹ sẽ mát mẻ và toại nguyện còn con cháu sẽ có được sự yên ổn về tinh thần để làm ăn.

Ngoài việc giáo dục chữ hiếu với ông bà, bố mẹ, quan hệ anh em trong nhà cũng được đồng bào đề cao. Anh em là người một nhà, cùng dòng máu bởi vậy phải thương yêu đùm bọc lẫn nhau lúc khó khăn, hoạn nạn; lúc gia đình có công, có đám như đám cưới, đám ma... người đầu tiên nghĩ đến là anh, là em rồi con cháu cùng nhau đứng ra sắp xếp, tổ chức công việc, ai có của giúp của, ai nghèo thì giúp công, giúp sức để lo công, lo việc; sự hiện diện của anh em, con cháu làm cho gia chủ bớt cô quạnh. Đồng bào dạy cho con mình rằng anh em như ngón tay, có ngón ngắn ngón dài thì con người tính tình cũng khác nhau, bởi vậy sẽ có lúc không đồng ý với nhau dẫn đến va chạm, giận dỗi thậm chí còn thù oán nhưng không vì thế mà bỏ nhau, dứt tình anh

em. Nếu gặp phải tình huống đó thì phải giải quyết ổn thỏa để cha mẹ khỏi đau lòng, bà con láng giềng cười chê. Đồng bào có câu "*ai noọng hại xút xên bọ xía, phạ mia hài chờ đèo pên pườn*", nghĩa là: Anh em giận nhau ốm đau cũng phải tìm đến, vợ chồng chỉ vì một câu nói có thể lia nhau. "*Ngân xíp bọ pên ao, ngân xao bọ pên ai noọng*", nghĩa là: Mười đồng không thành chú bác, hai mươi đồng không thành anh em.

Ngoài quan hệ anh em trong nhà, người Tày Mường đề cao tình cảm thắm thiết của hai bên thông gia. Họ cho rằng, con người sống trong thế giới này không chỉ có gia đình mà còn cả họ hàng nội ngoại, bởi đó là nguồn tình cảm và chỗ dựa vững chắc nhất cho mỗi con người lúc yên bình cũng như lúc gặp sóng gió; khi gia đình có công việc hay có đám ma, đám cưới thì sự có mặt của anh em họ hàng không chỉ để động viên mà còn giúp công, giúp của để gia đình bớt khó khăn, vất vả và đó cũng là dịp để họ thể hiện tình đoàn kết, sự tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, "không lúng ta thì có nhinh xao" hay "Đừng đuổi chó khi anh em đến nhà, đừng mắng chửi con khi chú bác đến chơi" (*Ai noọng ma nhá lấy ma, lung ta ma nhá ha lực*) .

Đạo làm vợ, làm chồng luôn được ông bà cha mẹ giảng giải và phân tích cho con cháu của mình không chỉ khi đang còn độc thân sống cùng với bố mẹ mà còn tiếp tục được duy trì khi đã làm dâu, làm rể nhà người. Khi mới xây dựng gia đình, do còn thiếu kinh nghiệm sống nên sẽ không tránh khỏi sự va chạm và gây ra những

khúc mắc với những thành viên khác trong gia đình và dòng họ. Bởi vậy, sự giáo dục thường xuyên từ ông bà bố mẹ là vô cùng cần thiết để con cháu của mình trưởng thành nhanh hơn và tự tin xây dựng cuộc sống gia đình đầm ấm. Các cụ dạy rằng “Chua cũng là rượu, già cũng là vợ, vợ có bị tật nguyên cũng là người thân” (*Xóm ca lâu, thâu ca mia, mia tà kia ca chu*), hay “Mới làm dâu đừng nấu rượu ngô, vừa làm rể không nên phát rẫy cạnh đường” (*ét pợ nhá nừng lâu mò dưới, ét khười nhá thảng lám này lộc*). Ngoài ra, các cụ còn răn dạy sự chung thủy trong đời sống vợ chồng như “Thấy vợ người chớ gheo, thấy nỏ người chớ bán” (*Hén mia tan nhá tạ, hén ná tan nhá nhinh*) hoặc “Ăn trộm lúa ở kho, ngoại tình với vợ người đều bị phạt ba nén bạc” (*Lắc khẩu năm nia, lắc nia năm xôm thực xam khấn*).

Giáo dục về lối sống có ý nghĩa quan trọng đối với nhận thức của bà con. ý thức trong ăn uống, đi lại và một số sinh hoạt trong gia đình cũng là những điều được bố mẹ thường răn dạy các con. Những ứng xử đó không chỉ tạo ra nền nếp gia phong mà còn thể hiện truyền thống văn hóa của gia đình và đặc biệt là nó mang lại sự tôn trọng của mọi người đối với bậc sinh thành có công giáo dưỡng. Ví dụ: “Uống nước đừng úp mặt vào gầu, đuổi trâu đừng đi trước mặt” (*Kin nặm nhá côm hâu đái, lẩy quai nhá bọ tàng nạ*); “Đừng phơi áo dưới đất, không phơi váy trước cửa” (*Nhá tạc xửa lông đỉn, tạc xiù nhá tạc tỷ hâu, tỷ oọc*). Con gái hay con dâu mới về nhà chồng cũng được các cụ răn dạy cách đi đứng trong nhà và những sinh hoạt

trong đời sống hàng ngày, “Nhổ nước bọt phải nhìn chỗ trống, ngồi phải nhìn váy dưới bàn chân” (*Thùm nặm lai moi nhàng, nãng dong do moi bàng hả*); “Đồ xôi xem nồi, xuống cầu thang giữ vú” (*Nừng khẩu lương hày, lông dày chắm nu*) hay “Gái ngủ trưa là gái chây lười, gái không chung thủy là gái hư” (*Xảo nòn nghên xảo chán, xảo quà ban chắc chắn chứa méo*)...

2. Giáo dục và trao truyền kinh nghiệm sản xuất

Người Tày Mường là cư dân chủ yếu sống bằng canh tác nông nghiệp, bên cạnh đó do môi trường cư trú gần sông suối và rừng cho nên họ còn biết cách khai thác các nguồn lợi tự nhiên mang lại. Những hoạt động kiếm sống đó được thực hiện từ nhiều đời nay và đã được đúc kết thành nhiều kinh nghiệm quý giúp cho người dân ổn định hơn trong các hoạt động sinh kế từ đó cuộc sống dần được cải thiện từ chính kinh nghiệm sinh tồn và hiệu quả trong canh tác và khai thác nguồn lợi thiên nhiên. Kinh nghiệm quý đó được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, từ cha truyền cho con, anh truyền cho em, mẹ truyền cho con gái, chị truyền cho em...

2.1. Kinh nghiệm và phương pháp canh tác ruộng nước

ở người Tày Mường, các công việc liên quan đến trồng trọt thường được cả đàn ông và đàn bà thực hiện, có những việc nặng như cày, bừa thì thường do đàn ông đảm nhiệm bởi công việc này đòi hỏi nhiều

đến sức lực để nâng, chuyển cày trong khi vẫn phải điều khiển trâu, bò. Từ nhỏ, khoảng sáu đến bảy tuổi các em trai và gái thường theo cha mẹ đi làm ruộng, những lần đi theo đó các em vừa chơi vừa quan sát bố mẹ làm việc, những hình ảnh cày, cấy, rồi những vụ mùa thu hoạch mà các em được chứng kiến dần dần in đậm trong tâm trí.

Làm đất, là công đoạn đầu tiên trong khâu canh tác lúa nước gồm các công đoạn như cày, bừa, làm phẳng mặt ruộng, sau đó mới đến gieo mạ, cấy, làm cỏ, thu hoạch... nhưng không phải vì thế mà người Tày Mường dạy con cháu từ công đoạn đầu đến cuối mà họ biết cách lựa chọn những việc nào dễ làm hơn thì chỉ bảo trước, sau khi các em đã thuần thục rồi mới chỉ bảo những công việc khác. Ví dụ trong việc làm đất, khó nhất vẫn là công đoạn cày cho nên các em chỉ làm quen chứ khó thực hiện ngay được, bởi vậy phải học cách bừa trước vì nó đơn giản hơn. Đôi khi các em cũng học xen kẽ giữa cày và bừa trên nhiều thửa ruộng khác nhau của gia đình. Trước khi học bừa, người bố thường giải thích cho con trai về công dụng của chiếc bừa, giới thiệu cho nó các bộ phận của bừa và chức năng của nó. Khi đã nắm được nguyên lý hoạt động của bừa, người bố cầm tay hướng dẫn cách thức và tư thế cầm bừa, cách di chuyển và điều khiển trâu (bò) theo ý mình.

Lớn lên tí nữa, các em trai được bố hướng dẫn cho cách dùng cày, điều khiển trâu và tập cày những luống đầu tiên. Để có thể nhớ những hướng dẫn của bố, các em thực hành ngay trên thửa ruộng nhà

mình, làm đến đâu bố chỉ dẫn và truyền kinh nghiệm đến đó, các kinh nghiệm điều khiển thế nào cho nhẹ tay cày nhưng luống cày vẫn sâu và thẳng. “Cày sâu tạo điều kiện cho bộ rễ lúa phát triển tốt, tăng nguồn dự trữ dinh dưỡng, có lợi cho các hoạt động của rễ dễ hấp thụ, tăng cường dinh dưỡng cho lúa”, ông Vi Văn Nhập, bản Đốc, xã Chi Khê.

Trong làm đất, một công đoạn nữa rất quan trọng là làm phẳng mặt ruộng để sau này khi đưa nước vào ruộng sẽ ngập đều, nếu không phẳng sẽ có chỗ nước ngập quá cây lúa sẽ úng trong khi có chỗ không có nước. Kinh nghiệm đó được người bố vừa làm vừa nói lại cho các con trai của mình ngay trong việc làm đất đó. Người Tày Mường có câu: “Khéo san nên ruộng, khéo làm nên bản” (*Chàng chóc pên nà, chàng ta pên bản*).

Cách ngâm mạ được những người có kinh nghiệm hướng dẫn rất tỉ mỉ, để có được mạ tốt cần thực hiện tốt khâu chọn thóc. Hạt giống được phơi khô, quạt sạch đưa ra suối đãi để loại bỏ những hạt lép rồi đổ vào sọt lót lá dong hoặc lá chuối khô ngâm nước ba ngày ba đêm, thậm chí mùa đông thì ngâm đến bảy ngày. Sau đó người ta vớt lên lấy que chọc thủng đáy sọt cho chảy hết nước rồi để dưới gầm sàn ba ngày ba đêm đủ thời gian cho mạ đâm rễ. Kỹ thuật ngâm mạ cũng rất quan trọng trong canh tác lúa, nó được ông bà, bố mẹ truyền dạy cho con cái và các cháu trong quá trình làm việc. Người Tày Mường có câu *đi cá chẳng pên nà*, nghĩa là tốt mạ thì tốt lúa. Nếu mạ chậm mọc rễ, người ta khuyên con cái đưa sọt lên để gần

bếp lửa nhằm tăng nhiệt độ trong sọt cho mạ dễ mọc rễ, kinh nghiệm này được những người già đúc kết trong quá trình lao động sản xuất, giờ là lúc phổ biến lại cho thế hệ sau. Tuổi của cây mạ được tính bằng một tháng, được thể hiện qua câu tục ngữ: “Ba mươi ngày tuổi mạ, năm mươi ngày tuổi gai” (*Xam xíp nghên cá, há xíp nghên pán*).

Làm thủy lợi và đắp bờ là yếu tố tối quan trọng cho sự phát triển của cây lúa, nếu nước cấp không đủ thì sẽ gây khô hạn, còn nhiều quá sẽ gây ngập úng, ngoài ra còn phải biết lúc nào cho nước vào ruộng còn thời điểm nào phải tháo nước thì cây lúa mới cho năng suất cao. Những kinh nghiệm đó luôn được người có nhiều hiểu biết trong gia đình nói lại cho các thành viên khác không chỉ trong lúc đi làm thủy lợi mà ngay cả trong những lúc nghỉ ngơi, trong bữa cơm gia đình hay những đêm ngồi uống rượu. Tầm quan trọng của yếu tố nước trong canh tác nông nghiệp của người Tày Mường được thể hiện qua câu tục ngữ “*Mì nặm chấng pên nà, mì nà chấng pên khầu*”, nghĩa là: Có nước mới có ruộng, có ruộng mới nên lúa.

Trải qua hàng trăm năm lao động, đúc rút kinh nghiệm từ thực tế sản xuất người Thái nói chung trong đó có nhóm Tày Mường đã hình thành nên hệ thống thủy lợi truyền thống gồm: *mương, phai, lái, lìn*, và được sử dụng qua nhiều thế hệ từ trước đến nay. Tùy thuộc điều kiện địa hình từng nơi mà đồng bào sử dụng thích hợp hệ thống thủy lợi này.

Trong hệ thống thủy lợi đó, *phai* là bộ

phần cực kỳ quan trọng mà hầu như người đàn ông hay nam thanh niên nào cũng đều được thế hệ trước giảng giải về ý nghĩa, chức năng sử dụng và còn chỉ bảo cách làm. *Phai*, được làm bằng gỗ để ngăn suối cho nước dâng cao đổ vào mương chảy tới ruộng và nó quyết định lưu lượng nước trong mương. *Phai* phải làm cho thật chắc chắn, có thế mương mới đủ nước tưới cho ruộng, nếu để *phai* vỡ mương và ruộng sẽ khô cạn vì thế mùa màng sẽ thất thu. *Phai* quan trọng đến nỗi người Tày Mường ví như sau “*Pó tai khừ phai lớ*”, nghĩa là: *phai* vỡ như cha chết, (Vi Văn An, 1983, tr.17). Với tầm quan trọng như vậy nên nên tập quán pháp quy định mọi thành viên trong bản phải có nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ mương, *phai*. Trước đây, ở mỗi bản có ông Trùm và Chấm bản chỉ đạo việc đắp mương *phái*, huy động dân bảo vệ mương, *phai* khi mùa lũ đến. Các gia đình trong bản tuy khác nhau về quan hệ huyết thống, chênh lệch về giàu nghèo... nhưng gắn bó chặt chẽ với nhau trước hết về quan hệ kinh tế, tức là việc duy trì và phát triển hệ thống thủy nông. (Cầm Trọng, 1978, tr.152).

Trước đây ở người Tày Mường còn làm cọn nước (*pặt nặm*) bằng tre và gỗ quay tròn như bánh xe bởi lực đẩy của dòng chảy để guồng nước lên đổ vào máng (*lìn*) tưới cho những thửa ruộng cao. Sông Giăng ở xã Môn Sơn là nơi người dân làm nhiều cọn nước nhất trong huyện Con Cuông, nay cọn nước không còn thấy người dân sử dụng nữa ở vùng này.

Để giữ được nước cho ruộng thì người ta cần phải đắp bờ, kỹ thuật đắp bờ không

quá khó nhưng cũng không hề đơn giản nên người tập đập bờ phải làm cùng với người thành thực thì mới nhanh chóng hoàn thiện và đảm bảo chắc chắn, trơn nhẵn và phải giữ cho thoáng dăng từ khi cấy cho đến lúc lúa chín, không được để cỏ mọc um tùm. Nếu cỏ mọc quá cao, lúa sẽ phát triển chậm do thiếu ánh sáng. Hơn nữa, sâu có điều kiện làm tổ, chuột bọ phá hoại. Bờ ruộng phải thẳng, rộng từ 40 đến 50cm, ở mỗi đầu bờ thường phải đào thêm cái rãnh con để nước chảy từ đám ruộng trên xuống đám ruộng dưới dễ dàng. Ngày xưa, các cụ bảo người ta còn đặt ở chỗ rãnh đó một nửa thân cây đục rỗng để rãnh khỏi bị xói mòn.

Người Tày Mường sống trong môi trường không được sự hào phóng của thiên nhiên ban tặng nên muốn tồn tại và tạo lập được cuộc sống no đủ thì phải tự lực cánh sinh, phải bươn chải và lấy sức lao động để tạo ra cái ăn, cái mặc. Bởi vậy, những người có tuổi trong gia đình, dòng họ thường giáo dục cho con, cháu của họ về ý thức tự giác trong lao động và nỗ lực vươn lên trong cuộc sống, tinh thần đó được thể hiện qua các câu thành ngữ sau:

Khâu phai bị dù năm côn nòn, mọn mọn bọ dù năm côn chán. Nghĩa là: Lúa gạo không ở với người nằm, tờ tầm không ở với người lười nhác; *Mạy tức pêng pông nhao, cốn chao vào khi khò.* Nghĩa là: Gỗ có sâu đục thì cong queo, người vụng về thì nghèo khó; *Chán na dước khâu, chán kin lấu mi khoong.* Nghĩa là: Lười làm ruộng thì đói, lười uống rượu có của; *Tin bọ lông nặm, bọ đay kin pa, tin bọ lông na, bọ đay kin khâu.* Nghĩa là: Chân

không xuống nước không được ăn cá, chân không xuống ruộng không được ăn cơm.

2.2. Kinh nghiệm và phương pháp canh tác rẫy

Trong hoạt động sinh kế của người Tày Mường, bên cạnh ruộng nước việc canh tác rẫy không kém phần quan trọng bởi nó góp phần mang lại nguồn lương thực cho đời sống của đồng bào nơi đây. Thế nên, việc trao truyền lại các kỹ thuật làm rẫy để kiếm cái ăn là hết sức cần thiết đối với người dân. Một lý do nữa khiến người dân thích làm nương là có thể xen canh nhiều loại cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế. Hơn nữa, ngày xưa tầng lớp quan lại chỉ bóc lột người Thái dựa trên hệ thống ruộng nước, còn rẫy không bị tính vào thuế đóng góp cho chính quyền thời đó thế nên rẫy được gọi là đất tự do của người dân.

Canh tác rẫy đòi hỏi nghiêm ngặt về thời vụ, rẫy đến lúc phải đốt mà không đốt thì coi như hỏng ăn vụ đó vì cây, cỏ mọc nhiều, hơn nữa thời tiết chuyển sang mùa mưa việc đốt rẫy sẽ gặp vô vàn khó khăn và cây không cháy được. Nếu đốt sớm quá cũng không tốt vì cây cỏ có thể mọc lại tốn nhiều công dọn cành, chậm thời vụ. Đến vụ gieo hạt mà chưa gieo kịp, lúa sẽ mọc chậm, yếu trong khi đó đất đã cứng trở lại nên rất khó gieo. ở người Tày Mường, kinh nghiệm dân gian cho biết nếu trong tháng sáu khi nghe chim "Năm tề" kêu là báo hiệu hết thời vụ gieo hạt. Đó là những kinh nghiệm quý của nhà nông mà những người già không quên kể lại mỗi khi có cơ hội nói chuyện với con cháu.

3. Trao truyền nghề thủ công

Nghề dệt của người Tày Mường có từ lâu đời. Sản phẩm dệt được làm ra chủ yếu để phục vụ nhu cầu mặc trong gia đình, làm của hồi môn khi con gái về nhà chồng, và một phần để trao đổi theo phương thức vật đổi vật, phụ thêm cho kinh tế gia đình. Do tính chất của nền kinh tế tuyến thống của đồng bào là tự cấp, tự túc nên nghề dệt đóng vai trò hết sức quan trọng trong các gia đình và cộng đồng. Bởi vậy, người bà, người mẹ nào cũng biết dệt vải và họ luôn ý thức dạy cho con gái, em gái và cháu gái mình biết dệt, biết thêu để có thể tự làm cho mình những bộ trang phục đẹp để mặc trong các dịp lễ tết và đặc biệt trong đám cưới của mình.

Việc học dệt vải của các bé gái thường bắt đầu từ 5,6 tuổi, các em vừa xem mẹ, bà dệt vải vừa đi lấy giúp những công cụ dệt, cuộn sợi... cứ như thế nên dần dần các bé gái ý thức được công việc và vai trò của mình trong cuộc sống. Các em học từ những việc dễ thao tác trước như cán bông, tách hạt rồi làm thành các lọn bông. Sau khi đã thành thạo việc làm bông, các em sẽ tập dần cách kéo sợi, đây là công việc khá khó vì phải vừa quay guồng vừa điều chỉnh lọn bông cho ra những đường sợi vừa đều vừa chắc.

Trong quá trình học xe sợi, các bé gái cũng được ngồi lên khung cửi để tập dệt. Ban đầu, các em sẽ dệt những thước vải trắng đơn giản không có hoa văn để các em nắm được cơ chế hoạt động của khung dệt và các bộ phận của nó. Từ đó các em mới tiếp tục dệt thử các tấm vải có hoa

văn từ đơn giản đến phức tạp và các kỹ thuật khó như *Ikat*, *cát mí*...

Để dệt theo kỹ thuật *Ikat*, cần có sợi nhiều màu sắc khác nhau và nhuộm theo đồ án hoa văn đã định sẵn để người thợ chỉ thao tác dệt sợi đó là sẽ thành những hoa văn định trước. Muốn dệt tốt kỹ thuật đó, các em phải học cách buộc sợi và nhuộm sợi. Bên cạnh đó, chế biến màu nhuộm lấy trong tự nhiên cũng là một phần quan trọng trong các giá trị trao truyền của nghề dệt. Các em được tự tay đi tìm và lấy về các nguyên liệu trong địa vực cư trú đưa về nhà để làm màu nhuộm. Cây *phang* được chặt miếng cho vào nồi rồi đổ ít nước đun sôi lên sẽ được màu đỏ; lá cây chàm giã rồi ngâm với vôi cho màu xanh, hoặc màu đen nếu ngâm lâu ngày hơn; quả cọ lược chín lấy nước cho màu tím; rễ cây *hèm* cho màu vàng; quả gió (*mac hả*) giã rồi đun lên cho màu hồng...

Các em còn được truyền dạy thêu hoa văn trên váy và trên những vật dụng như túi và khăn đội đầu. Đối với các em sáng dạ, sau một thời gian học tập các em đã có thể thêu những hoa văn mà bà, mẹ dạy và còn sáng tạo thêm những mẫu mới dựa trên nền tảng hoa văn truyền thống của tộc người.

Khi đã dệt thành thạo tất cả các kỹ thuật đó, lúc này các em cũng đã thành thiếu nữ nên đã có thể dệt vải vừa để thỏa mãn nhu cầu mặc cho các thành viên gia đình. Bên cạnh đó, các em đã ý thức được việc dệt những thứ như chăn, gối, đệm... để chuẩn bị của hồi môn khi làm đám cưới.

Trong đời sống hàng ngày của người

Tày Mường có sử dụng nhiều vật dụng được làm từ chất liệu tre nứa và do chính họ tự chế tác. Công việc đan lát là của nam giới, đồng bào thường nói đã là đàn ông thì phải biết đan lát, nếu không biết sẽ bị bà con chê cười. Các đồ đan thường là đồ đựng như các loại giùi, ép đựng xôi, giỏ cua, giỏ cá, bao dao, mâm cơm, hay các vật dụng khác như chiếu, ghế mây. Ngoài ra, người ta còn đan chài, lưới để đánh bắt cá.

Để làm được những sản phẩm đó, người cha thường dạy con trai phương pháp chuẩn bị nguyên liệu cho tốt. Ví dụ, họ dạy cách chọn tre, mây và khai thác chúng vào mùa khô thì khi ra nan đan sẽ dẻo, bền nếu khai thác vào mùa mưa thì thân cây chứa nhiều nước khi phơi khô sẽ bị teo và hay bị mối mọt. Ngoài ra, họ còn dạy cách lấy sợi gai ra làm sao để có được sợi vừa mềm dẻo đan mà lại bền, dai để làm chài lưới nếu không sẽ nhanh vỡ khi thả xuống nước.

4. Săn bắn và nội trợ

Đối với người Tày Mường, săn bắn không chỉ là phương thức để mưu sinh mà còn là cách để bảo vệ mùa màng và trong chừng mực nào đó là một hình thức giải trí của nam giới. Dạy con trai làm dụng cụ săn bắn như nỏ, các loại bẫy và đi săn là một trong những trách nhiệm của người bố, người anh đối với con, em của mình. Bên cạnh đó, các chàng trai còn được trang bị kinh nghiệm xem dấu chân để phát hiện ra các loại thú, hiểu thói quen đi lại, ẩn nấp và săn mồi của các loài thú. Hiểu được thức ăn mà các loại thú thích ăn để có biện pháp đặt bẫy thích hợp với

các loại thú đó. Ví dụ, gấu rất thích ăn mật ong, nên ở những góc cây nào trong khu rừng có nhiều tổ ong thì người ta sẽ làm bẫy lớn để bắt gấu; Hoẵng lại thích gặm cỏ non nên đến mùa cỏ non chúng hay ra các đồng cỏ ven rừng để kiếm thức ăn, trong khi các loài linh trưởng thích ăn hoa quả, ngô nên có thể chờ sẵn để bắn tên.v.v.. Có được tri thức đó, người đi săn không chỉ bắn được nhiều con thú cho nhu cầu thực phẩm, mà còn tránh được những rủi ro, mối nguy hiểm luôn rình rập và xảy đến bất cứ lúc nào từ thú dữ. Bởi vậy, đồng bào có câu *“Quang hè nhá nòn thà, là ná nhá tam pun”*, nghĩa là: Đi quăng chài không nên ngủ ở bờ sông, vào rừng đừng cắm tên sẵn vào nỏ.

Quan niệm của đồng bào về săn bắn hiệu quả hay không là do thần rừng có muốn ban ơn cho chúng ta hay không, hơn nữa đi săn phải chọn ngày giờ để thu được thành quả. Ngoài ra, trước khi đi săn phải kiêng kỵ gần phụ nữ nếu không sẽ không hiệu quả và đôi khi sẽ gặp nguy hiểm.

Nội trợ, là phần việc mà người phụ nữ Tày Mường đã được phân công trong sinh hoạt của gia đình truyền thống. Mỗi dân tộc đều biểu hiện đặc trưng văn hóa độc đáo của mình qua phong tục tập quán, trong đó có ẩm thực.

Để kiếm thức ăn và đảm bảo chất dinh dưỡng trong các bữa ăn hàng ngày, các em gái thường theo mẹ ra sông, suối học cách xúc tép, bắt cá và lấy rêu đá về làm món *moọc*. Qua công việc hàng ngày thể hiện sự khéo léo, tinh tế của người con gái, đó cũng là một trong những phẩm chất để

người đàn ông khi chọn vợ phải quan tâm đến. Người Tày Mường có câu: *nhinh xao, nhinh mớ pay xòn*”, nghĩa là: nhìn con gái phải nhìn lúc đi xúc cá.

Người Tày Mường có nhiều lễ tết trong năm, mỗi dịp như thế bà con thường mời anh em, bạn bè và khách đến uống rượu với gia đình. Việc chuẩn bị các đồ ăn và ủ rượu được phụ nữ quan tâm và chuẩn bị rất chu đáo, đó cũng chính là dịp để họ truyền cho con cái cách chế biến các món ăn vừa nấu cho bữa ăn hàng ngày vừa để tiếp đón khách.

5. Giáo dục giá trị văn hóa tinh thần

Các giá trị văn hóa tinh thần được người dân bảo tồn và phát triển qua nhiều thế hệ đến nay chủ yếu là nhờ vào hiệu quả từ việc giáo dục truyền thống trong gia đình của người Tày Mường mang lại. Cách giáo dục của họ kết hợp lời răn dạy con cháu với chính việc thực hành các nghi lễ, lối sống, sinh hoạt truyền thống trong gia đình. Từ bé đến lớn, mỗi thành viên đều chứng kiến và thực hành các yếu tố văn hóa đó nên đã ngấm vào tâm khảm từ bao giờ không biết nữa, chỉ biết rằng đó là một phần không thể thiếu trong cuộc đời của họ.

Trong đời sống tinh thần của đồng bào, việc giảng giải cho thế hệ sau về tôn giáo, tín ngưỡng của tộc người luôn được phát huy, nhất là trong các dịp lễ tết và đám ma. Qua đó, thế hệ sau mới hiểu được các quan niệm của cộng đồng về sự sống, cái chết, về thế giới sau khi chết và cả về nguồn gốc lịch sử của họ. Điều đó được thể

hiện trong các tác phẩm như: *Dẫn hồn lên mừng trời và trần gian* (Tạo khuôn mừng Phạ, mừng Lùm); *Báo hồn* (Tam khuôn), *Gọi hồn* (Hiệc khuôn)... Ngoài ra, “làm vía” là nghi lễ thường được tổ chức để cầu mong sức khỏe cho các thành viên gia đình, nó được tiến hành trong nhiều dịp khác nhau như: Mừng cho trẻ em hay ăn chóng lớn, mừng người thân đi xa lâu ngày về, đám cưới, làm nhà mới, giải hạn... đặc biệt là trong đám ma. Đồng bào ở đây có vốn dân ca vô cùng phong phú, mỗi thành viên cộng đồng đều biết đến nó. Đó là dòng suối luôn tắm mát cho tâm hồn, tình cảm của người Tày Mường. Họ dạy cho con cái hát bài ru con (*ừ ừ lục*), các bài hát đồng giao, các làn điệu *nhuôn*” thường dùng lúc trai gái hát đối đáp khi uống rượu cần; các loại hát *“xuối”* như *“xuối chà lầy, xuối xặng xáo, xuối đi rẫy”* là hình thức ngâm vịnh có sáo đệm. Còn *“xuối hầu lân hầu khân”* là điệu hát có người kể chuyện như hát ví của người Kinh, thường thực hiện trong các cuộc vui có nhiều người tham dự và uống rượu cần.

Cùng với hát dân ca, các chàng trai cô gái còn được học múa, học chơi nhạc cụ. Múa hát mang lại niềm hứng khởi cho tâm hồn, nên mỗi khi có dịp vui họ không quên tập cho con cái các điệu dân vũ như *tăng bu la*” là điệu múa cầu phúc, cầu may, múa để cúng trời, cầu trời phù hộ được mùa, múa phục vụ cho ông thầy mo. Trong điệu múa phục vụ thầy mo, ông vừa cúng vừa nhảy và mọi người nhảy theo cho vui. Nhạc cụ đồng bào thường dùng là khèn bè để đệm cho điệu *lăm*”, còn sáo thì dùng cho hát (*khấp*). Đây là loại được

thanh niên ưa thích vì nhạc điệu nghe thiết tha man mác, hợp với tình cảm trai gái ngồi với nhau dưới đêm trăng sáng. (Nguyễn Doãn Hương, 1997, tr.66).

Để có thể trao truyền những giá trị văn hóa phi vật thể được hiệu quả và có thể bảo tồn sống động trong dân gian thì việc giáo dục và trao truyền giá trị về ngôn ngữ, chữ viết là vô cùng quan trọng nhất là ngôn ngữ và chữ viết của cộng đồng. Trước đây, người già thường dạy cho con cháu viết chữ của dân tộc mình để có thể đọc được các tác phẩm văn học trong kho tàng văn học dân gian cực kỳ phong phú của người Thái. Trong đó có các tác phẩm viết về lịch sử nổi tiếng như: *Những bước đường chinh chiến của cha ông* (Táy pú xác); *Kể chuyện bản mường* (Quám tố mường); *Chàng Lù - Nàng ủa* (Khun Lù - Nang ủa) hay *Chương Han*. Bên cạnh đó còn có các tác phẩm có giá trị giáo dục văn hóa như: *Lời răn dạy* (Quám xỏ côn); *Gọi Hồn* (Hiệc khuôn)... Tiếc rằng đến nay không còn nhiều người có thể viết và đọc được chữ Thái cổ ở miền tây Nghệ An, bởi vậy những giá trị văn hóa, lịch sử được ghi chép trong các cuốn sách đó có thể dần bị lãng quên theo thời gian.

* *

*

Giáo dục truyền thống của người Tày Mường thể hiện ở nhiều khía cạnh khác nhau của đời sống như lao động sản xuất, văn hóa, tập tục, ngôn ngữ, đạo đức lối sống... như một hệ thống hình thành nên nhân cách và cốt cách của cộng đồng, đó là

những điểm cơ bản tạo nên bản sắc văn hóa tộc người./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vi Văn An (1996), "Hôn nhân và tục lệ cưới xin của người Thái ở miền núi Nghệ An", *Tạp chí VHDG*, số 2.
2. Phan Hữu Dật (1997), *Quy tắc cư trú trong hôn nhân*, *Tạp chí DTH* số 1, tr.3-12.
3. Lương Thị Giang (1999), *Nét đẹp trong đám cưới của người Thái huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An*, Khóa luận tốt nghiệp, HN.
4. Phạm Quang Hoan và Nguyễn Ngọc Thanh (1992), "Gia đình và hôn nhân", trong: *Các dân tộc Tày, Nùng ở Việt Nam*, Viện Dân tộc học, Hà Nội, tr.189.
5. Quảng Huyền (1998). *Xo nặm phôn* (xin nước mưa) - *Một hình thức hoạt động văn hóa dân gian ở bản người Thái ngày xưa*. Trong *Văn hóa và lịch sử người Thái ở Việt Nam*. Nxb Văn hóa dân tộc, tr.582-592.
6. Nguyễn Doãn Hương (1997). *Giáo dục trong gia đình truyền thống của người Thái ở miền tây Nghệ An*.
7. Lương Quốc Phòng (2001), *Hôn nhân của người Thái ở huyện Con Cuông tỉnh Nghệ An (Truyền thống và biến đổi)*. Luận Văn, tr.26-27.
8. Nguyễn Ngọc Thanh (2005), *Gia đình và hôn nhân của dân tộc Mường ở tỉnh Phú Thọ*. Nxb KHXH, H, tr.133.

CHÚ THÍCH

1. Người Thái ở Nghệ An gồm 3 nhóm địa phương: Tày Mường, Tày Thanh và Tày Mười. Nhóm Tày Mường tự nhận là Thái Trắng (*Táy Đón*), còn hai nhóm còn lại tự nhận là Thái Đen (*Táy Đăm*).